

Số: 03/2019/QĐST-KDTM

Tri Tôn, ngày 26 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2019/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Viễn thông B.

Địa chỉ: Tòa nhà VP1, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh Th – chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc Kh – chức vụ Phụ trách Phòng thanh toán cước phí B tỉnh An Giang (theo Quyết định ủy quyền số 168/QĐ-B 9 TC ngày 16/4/2019).

Địa chỉ: Số 93 Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Công ty TNHH XNK TMDV & ĐT AGRICULTURAL SPORT MD Việt Nam Company (tên viết tắt: ASMDVCO);

Địa chỉ: Số 167 ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hình Minh Tr, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số 167, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện nguyên đơn Tổng Công ty Viễn thông B ông Trần Quốc Kh và đại diện bị đơn Công ty TNHH XNK TMDV & ĐT AGRICULTURAL SPORT MD Việt Nam Company ông Hình Minh Tr thống nhất Công ty TNHH XNK

TMDV & ĐT AGRICULTURAL SPORT MĐ Việt Nam Company có trách nhiệm trả cho Tổng công ty Viễn thông B số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Theo phương thức thanh toán chia làm hai đợt: Vào ngày 02 tháng 12 năm 2019 Công ty TNHH XNK TMDV & ĐT AGRICULTURAL SPORT MĐ Việt Nam Company trả số tiền 6.500.000 đồng và ngày 27 tháng 12 năm 2019 trả số tiền còn lại là 6.500.000 đồng.

Về tiền lãi chậm trả Tổng công ty viễn thông B không yêu cầu Công ty TNHH XNK TMDV & ĐT AGRICULTURAL SPORT MĐ Việt Nam Company trả tiền lãi chậm trả và tiền lãi chậm thi hành án.

Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH XNK TMDV & ĐT AGRICULTURAL SPORT MĐ Việt Nam Company tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng công ty viễn thông B không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tổng công ty viễn thông B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0012214 ngày 07/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn do ông Trần Quốc Khanh đại diện nhận theo Quyết định ủy quyền số 168/QĐ-B 9 TC ngày 16 tháng 4 năm 2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Thị Hùng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).